

# MAXHUB Interactive Flat Panel

## Model: E6530C

MAXHUB E3 Series là lựa chọn vượt trội dành riêng cho môi trường giáo dục hiện đại. Sản phẩm được trang bị hệ điều hành bảo mật cao, hỗ trợ tích hợp liền mạch với các ứng dụng và tài khoản Google, mang đến trải nghiệm giảng dạy thuận tiện và hiệu quả. Sức mạnh từ bộ xử lý SoC tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) đảm bảo hiệu năng vận hành mượt mà, trong khi công nghệ màn hình cảm ứng tiên tiến mang lại trải nghiệm viết tự nhiên, chính xác và linh hoạt. Camera cùng hệ thống micro tích hợp cho chất lượng hình ảnh và âm thanh rõ nét, giúp các hoạt động tương tác trực tiếp và trực tuyến diễn ra thông suốt. Với hệ thống kết nối đa dạng, giáo viên có thể dễ dàng chia sẻ nội dung từ nhiều thiết bị khác nhau, tối ưu hóa quá trình truyền tải kiến thức và tăng cường sự tương tác trong lớp học. MAXHUB E3 Series – Nâng tầm trải nghiệm giảng dạy, khơi nguồn cảm hứng học tập và thúc đẩy sự cộng tác hiệu quả giữa giáo viên và học sinh.



### Màn hình hiển thị ấn tượng

Màn hình 4K, 10-bit màu  
Độ chính xác màu cao,  $\Delta E \leq 1$



### Hệ thống âm thanh SkyWave

Loa kênh 2.2  
2x12W+2x25W công suất tối đa



### Hiệu năng mạnh mẽ

Bộ xử lý 8 nhân tích hợp AI,  
8GB RAM, 128GB ROM



### Cảm ứng chính xác, mượt mà

Công nghệ MAXHUB Think&Ink  
50 điểm chạm, độ nhạy  $\pm 1,5$  mm



### Chăm sóc đôi mắt

Bảo vệ mắt với công nghệ  
ánh sáng xanh thấp (TÜV Low Blue Light)  
và chứng nhận Flicker Free



### Hệ thống bảo mật tiên tiến

Android 16 với chứng nhận  
Google EDLA



### Học tập kết hợp linh hoạt

Camera 50MP siêu nét  
và màng micro 8 chiếc



### Bộ phần mềm toàn diện

MAXHUB EDU OS V4, các ứng dụng  
giáo dục được thiết kế chuyên biệt

E6530C

Màn hình

|                              |                                                                               |
|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Model                        | E6530C                                                                        |
| Kích thước đường chéo        | 65 inch                                                                       |
| Diện tích hiển thị           | 1428,48 (H) × 803,52 (V) mm                                                   |
| Tỷ lệ khung hình             | 16:9                                                                          |
| Độ phân giải                 | 3840 (H) × 2160 (V)                                                           |
| Loại tấm nền                 | VA                                                                            |
| Góc nhìn                     | 178° (H/V)                                                                    |
| Cấp độ màn hình              | A-Level                                                                       |
| Độ sáng màn hình             | 400 nits (typ.)<br>450 nits (max.)                                            |
| Tỷ lệ tương phản             | 5.500:1 (typ.)<br>50,000:1 (dynamic)                                          |
| Độ sâu màu                   | 1,07B (10bit)                                                                 |
| Dải màu (điển hình)          | 98% sRGB                                                                      |
| Độ chính xác màu             | ΔE≤1                                                                          |
| Kính                         | Kính cường lực không viền<br>dày 3 mm<br>Được xử lý hóa học 9H                |
| Công nghệ bề mặt             | Kính mờ, độ phủ 25%                                                           |
| Cảm biến                     | Cảm biến ánh sáng xung quanh<br>Cảm biến nhiệt độ màu môi trường              |
| Bảo vệ mắt                   | Không nhấp nháy (TÜV Flicker Free)<br>Ánh sáng xanh thấp (TÜV Low Blue Light) |
| Tần số quét                  | 60 Hz                                                                         |
| Thời gian phản hồi           | 6,5 ms                                                                        |
| Đèn nền                      | LED                                                                           |
| Tuổi thọ đèn nền (điển hình) | ≥ 60.000 giờ                                                                  |

Hệ thống cảm ứng

|                                      |                                                                                     |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Công nghệ cảm ứng                    | Hồng ngoại nhận diện                                                                |
| Điểm chạm                            | 50 điểm chạm                                                                        |
| Khoảng cách nhận diện vật thể        | 3 mm                                                                                |
| Độ chính xác                         | ±1,5 mm                                                                             |
| Thời gian phản hồi                   | ≤ 5 ms                                                                              |
| Độ cao nhận diện nét viết            | ≤ 2 mm                                                                              |
| MAXHUB Think&link                    | Có, Ghi chú trực tiếp                                                               |
| Hệ điều hành hỗ trợ (trả về cảm ứng) | Windows11/ Windows10/<br>Windows8/ Windows7/<br>Android/ Linux/<br>Mac OS X/ Chrome |

Hệ thống tích hợp

|              |                                |
|--------------|--------------------------------|
| Hệ điều hành | Android 16.0                   |
| Chứng nhận   | Google EDLA certification      |
| RAM          | 8GB                            |
| ROM          | 128GB                          |
| Bộ xử lý SoC | A72*4+A53*4, octa-core, 2.2GHz |
| CPU          |                                |
| GPU          | Mali-G52 MC3                   |
| NPU          | 6 TOPS                         |

Camera/Micro

|        |                                           |
|--------|-------------------------------------------|
| Vị trí | Thiết kế tích hợp, đặt ở giữa phía trên   |
| Camera | 50MP<br>FOV 120°, 120° HFOV, 91° VFOV     |
| Micro  | Mảng 8-mic<br>Thu âm trong phạm vi 12 mét |

Kết nối

|                      |                |                                                                          |
|----------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Đầu vào              | HDMI IN × 3    | Lên đến 4K@60Hz, HDCP 1.4&2.2&2.3, CEC, ARC (ARC chỉ hỗ trợ trên HDMI 1) |
|                      | USB 2.0 × 1    | Dành cho nâng cấp hệ thống                                               |
|                      | USB 3.0 × 3    | Cổng USB phía sau chỉ hỗ trợ trên Android                                |
|                      | Touch × 2      | 2.0 × 2                                                                  |
|                      | USB Type-C × 1 | USB 3.0, dành cho thiết bị ngoại vi                                      |
|                      | AUDIO IN × 1   | 3,5 mm Jack, hỗ trợ micro ngoài                                          |
|                      | RS232 × 1      | Tốc độ baud 9600                                                         |
| Đầu ra               | RJ45 IN × 1    | 10M/100M/1000Mbps                                                        |
|                      | HDMI OUT × 1   | Lên đến 4K@60Hz                                                          |
|                      | AUDIO OUT × 1  | 3,5 mm Jack                                                              |
| Khe OPS              | SPDIF × 1      | Định dạng đầu ra âm thanh PCM                                            |
|                      |                |                                                                          |
|                      |                |                                                                          |
| Khe mô-đun Wi-Fi     |                | Module khe cắm × 1                                                       |
| Mô-đun Wi-Fi (SI07B) |                | Wi-Fi 6 hỗ trợ<br>802.11 ac/b/g/n/a/ac, 2.4GHz/5GHz                      |
| Bluetooth            |                | 5.2                                                                      |

| Âm thanh             |                                                 |
|----------------------|-------------------------------------------------|
| Hệ thống âm thanh    | SkyWave Sound System                            |
| Kênh âm thanh        | 2.2                                             |
| Công suất loa        | 2×8W + 2×18W (đầu ra)<br>2×12W + 2×25W (tối đa) |
| Mức áp suất âm thanh | 88 dB (1W, 1m)                                  |

| Nguồn điện                           |                                                                                     |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguồn điện đầu vào                   | 100–240V~ 50/60 Hz                                                                  |
| Điện năng tiêu thụ (chờ)             | ≤ 0.5W                                                                              |
| Điện năng tiêu thụ (điển hình)       | 130W                                                                                |
| Tiết kiệm năng lượng                 | Chứng nhận Energ Star                                                               |
| Chiều cao viền                       | ≤ 2 mm                                                                              |
| Độ cao nhận diện nét viết            | ≤ 2 mm                                                                              |
| MAXHUB Think&link                    | Có, Ghi chú trực tiếp                                                               |
| Hệ điều hành hỗ trợ (trả về cảm ứng) | Windows11/ Windows10/<br>Windows8/ Windows7/<br>Android/ Linux/<br>Mac OS X/ Chrome |

| Môi trường         |               |
|--------------------|---------------|
| Nhiệt độ hoạt động | 0°C ~ 40°C    |
| Nhiệt độ lưu trữ   | -20°C ~ 60°C  |
| Độ ẩm hoạt động    | 10%~90% RH    |
| Độ ẩm lưu trữ      | 10%~90% RH    |
| Độ cao             | Dưới 5000 mét |
| Khả năng chống bụi | IP5X-rated    |

| Phần mềm     |                                |
|--------------|--------------------------------|
| Hệ điều hành | Android 16.0                   |
| Chứng nhận   | Google EDLA certification      |
| RAM          | 8GB                            |
| ROM          | 128GB                          |
| Bộ xử lý SoC | A72×4+A53×4, octa-core, 2.2GHz |
| CPU          | Mali-G52 MC3                   |
| NPU          | 6 TOPS                         |

| Thông số vật lý                   |                      |
|-----------------------------------|----------------------|
| Kích thước (D×C×S)                | 1490.2×915.9×99.8 mm |
| Kích thước đóng gói (D×C×S)       | 1628×1032×185 mm     |
| Độ dày thiết bị và giá treo tường | 123.0 mm (VIB3060H)  |
| Vít treo tường                    | M8×25mm              |
| VESA                              | 600×400              |
| Khối lượng tịnh                   | 37.40 kg             |
| Tổng khối lượng                   | 46.55 kg             |

| Phụ kiện         |                      |
|------------------|----------------------|
| Dây nguồn        | 3 m × 1              |
| Cáp HDMI         | 3 m × 1              |
| Điều khiển từ xa | × 1                  |
| Bút cảm ứng      | × 2                  |
| Giá đỡ màn hình  | × 2                  |
| Giá treo tường   | WIB9060H (450mm) × 1 |
| Mô-đun Wi-Fi     | S107B × 1            |

| Mô-đun tùy chọn      |                |                                                                          |  |
|----------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|--|
| Đầu vào              | HDMI IN × 3    | Lên đến 4K@60Hz, HDCP 1.4&2.2&2.3, CEC, ARC (ARC chỉ hỗ trợ trên HDMI 1) |  |
|                      | USB 2.0 × 1    | Dành cho nâng cấp hệ thống                                               |  |
|                      | USB 3.0 × 3    | Cổng USB phía sau chỉ hỗ trợ trên Android                                |  |
|                      | Touch × 2      | 2.0 × 2                                                                  |  |
|                      | USB Type-C × 1 | USB 3.0, dành cho thiết bị ngoại vi                                      |  |
|                      | AUDIO IN × 1   | 3.5 mm Jack, hỗ trợ micro ngoài                                          |  |
|                      | RS232 × 1      | Tốc độ baud 9600                                                         |  |
|                      | RJ45 IN × 1    | 10M/100M/1000Mbps                                                        |  |
| Đầu ra               | HDMI OUT × 1   | Lên đến 4K@60Hz                                                          |  |
|                      | AUDIO OUT × 1  | 3.5 mm Jack                                                              |  |
|                      | SPDIF × 1      | Định dạng đầu ra âm thanh PCM                                            |  |
| Khe OPS              |                | Module khe cắm × 1                                                       |  |
| Khe mô-đun Wi-Fi     |                | Module khe cắm × 1                                                       |  |
| Mô-đun Wi-Fi (S107B) |                | Wi-Fi 6 hỗ trợ<br>802.11 ac/b/g/n/a/ac, 2.4GHz/5GHz                      |  |
| Bluetooth            |                | 5.2                                                                      |  |



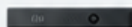
UC P30



UC S07



OPS72A



WL10C



ST33M



ST23B

## Where Inspiration Moves Ahead